TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **07**/2018/KDTM-ST
Ngày 27/02/2018
V/v tranh chấp: " *Hợp đồng cung ứng dịch vụ - Hợp đồng gia công*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Ngọc Thúy**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Ngọc Nguyên**
2. Ông **Phạm Thành Ngôn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Bé Thu –** Thư ký Tòa án

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Mỹ Duyên** - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 48/2017/TLST–KDTM ngày 08 tháng 6 năm 2017, về việc tranh chấp: "*Hợp đồng cung ứng dịch vụ - Hợp đồng gia công*"

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-KDTM ngày 03/01/2018, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn*: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Xây Dựng Điện P**

Người đại diện theo pháp luật: **Ông Trần Văn D** – Chức vụ Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm giám đốc (Có mặt)

Trụ sở chính: ấp H2, xã M, huyện P, tỉnh G.

Địa chỉ liên lạc: khóm P, phường Q, thành phố X, tỉnh G.

***2. Bị đơn*: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn M**

Đại diện theo pháp luật: **Ông Lê Quốc M** - Chức vụ: Giám đốc công ty TNHH M.

Địa chỉ: phường K, thành phố X, tỉnh G (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Phần trình bày của ông Trần Văn D đại diện theo pháp luật của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Điện P: Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây Dựng Điện P và Công ty trách nhiệm hữu hạn M có ký các hợp đồng cụ thể:

+ Hợp đồng số 2602/2016/HĐTC/CTY TNHH M – CTY ĐIỆN P CÔNG TRÌNH: Lắp đặt điện bệnh viện đa khoa P ngày 26/02/2016 là hợp đồng thi công lắp đặt Công ty trách nhiệm hữu hạn M đã thi công lắp đế ổ cắm, đế công tắc, tủ điện, đóng nẹp, đi dây và lắp thiết bị ổ cắm, công tắc, CB, tủ điện phòng được 2 tầng trên tổng số là 3 tầng. Căn cứ theo hợp đồng thì Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây Dựng Điện P phải được tính công ít nhất là 50% giá trị hợp đồng tức là 35.000.000 đồng và công ty trách nhiệm hữu hạn M chỉ ứng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây Dựng Điện P số tiền 7.500.000 đồng.

+ Hợp đồng số 2902/2016/HĐTC/CTY TNHH M – CTY ĐIỆN P HẠNG MỤC: Cung ứng vật tư điện bệnh viện đa khoa P ngày 29/02/2016 là hợp đồng cung cấp vật tư với tổng giá trị là 63.488.000 đồng (*Sáu mươi ba triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng*), Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Điện P đã hoàn chỉnh hầu hết các hạng mục theo thỏa thuận trong hợp đồng trừ giá trị một hạng mục còn thiếu với giá trị là 78.000 đồng (*Bảy mươi tám nghìn đồng*), thực tế cung cấp là 63.410.000 đồng (*Sáu mươi ba triệu bốn trăm mười nghìn đồng*).

Từ tháng 2/2016, Công ty trách nhiệm hữu hạn M vi phạm trong việc thanh toán tiền mua hàng và cam kết trong vòng 03 tuần sẽ thanh toán tiền mua hàng ở bệnh viện P với số tiền 63.410.000 đồng (*Sáu mươi ba triệu bốn trăm mười nghìn đồng*), nhưng Công ty trách nhiệm hữu hạn M chỉ hứa mà không thực hiện.

Tổng cộng hai công trình thực hiện bệnh viện P, Công ty trách nhiệm hữu hạn M còn nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây Dựng Điện P số tiền 90.910.000 đồng.

Ngoài ra, Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây Dựng Điện P và Công ty trách nhiệm hữu hạn M có thỏa thuận cung cấp vật tư và thi công lắp đặt công trình Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh G nhưng không làm hợp đồng với tổng giá trị vật tư và nhân công là 77.232.080 đồng (*Bảy mươi bảy triệu hai trăm ba mươi hai nghìn không trăm tám mươi đồng*). Từ tháng 4/2016 đến nay Công ty trách nhiệm hữu hạn M chỉ thanh toán được một phần, còn nợ lại số tiền 12.232.080 đồng (*Mười hai triệu hai trăm ba mươi hai nghìn không trăm tám mươi đồng*) chưa thanh toán.

Tại phiên tòa, ông D là người đại diện cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Điện P xác định lại yêu cầu khởi kiện ông đồng ý giảm số tiền 23.142.048 đồng trong tổng số tiền nợ vật tư, nhân công 103.142.080 đồng (*Một trăm lẻ ba triệu một trăm bốn mươi hai nghìn không trăm tám mươi đồng*) cho Công ty trách nhiệm hữu hạn M, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn M có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây Dựng Điện P với tổng số tiền: 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*) và không yêu cầu tính lãi.

** Phần trình bày của bị đơn Công ty TNHH M vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày ngày 27/8/2017 và ngày 12/9/2017 thể hiện nội dung:*

Theo hợp đồng số 2602/2016/HĐTC/ CTY TNHH – CTY ĐIỆN P, ngày 26/02/2016 nội dung thi công lắp đặt thiết bị điện BVĐK P, đơn giá trong hợp đồng là đơn giá lắp đặt hoàn chỉnh theo chi tiết từng thiết bị. Tuy nhiên trong quá trình thi công Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng Điện P chỉ thi công được phần đóng nẹp và đi dây một số phòng tầng trệt và lầu 1 rồi tự ý bỏ ngang không tiếp tục thi công làm ảnh hưởng đến tiến độ vi phạm mục 2 điều VI của hợp đồng vì thế Công ty trách nhiệm hữu hạn M không có trách nhiệm phải thanh toán theo hợp

đồng và yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng Điện P hoàn trả tiền tạm ứng hợp đồng.

Theo hợp đồng số 2902/2016/HĐTC/CTY TNHH M- CTY ĐIỆN P ngày 29/02/2016 cung cấp vật tư điện Bệnh viện đa khoa huyện P. Đồng thời căn cứ bảng quyết toán đối chiếu công nợ số 08/BGĐ-16 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn M và Công ty trách nhiệm hữu hạn Điện P thì phần vật tư của cả 02 công trình Bệnh viện đa khoa P và Ủy ban nhân dân xã T tổng nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn M còn nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng Điện P là 48.142.000 đồng, phần tiền nhân công lắp đặt thiết bị điện của công trình Ủy ban nhân dân xã T 12.000.000 đồng, không đồng ý thanh toán phần 8.000.000 đồng tiền nhân công lắp đặt ống và nhà vệ sinh với lý do: Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng Điện P thi công sai kỹ thuật dẫn đến tràn bồn nước gây hư hại hệ thống laphông và sơn tường của công trình nên Công ty trách nhiệm hữu hạn M phải tốn tiền chi phí khắc phục sửa chữa. Công ty trách nhiệm hữu hạn M thống nhất tổng số nợ còn lại của Công ty trách nhiệm hữu hạn M với Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng Điện P là 60.142.000 đồng (*Sáu mươi triệu một trăm bốn mươi hai nghìn đồng*) và yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng Điện P xuất hóa đơn GTGT phần vật tư của công trình Ủy ban nhân dân xã T là 57.232.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông D đại diện theo pháp luật của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ vật tư, nhân công 23.142.048 đồng, tiền lãi suất phát sinh từ tháng 02/2016 theo lãi suất quá hạn do ngân hàng nhà nước quy định là 9.900.000 đồng và không yêu cầu tính lãi, chỉ xác định yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ vật tư, tiền nhân công 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*), không đồng ý với trình bày của bị đơn chỉ còn nợ với số tiền 60.142.000 đồng (*Sáu mươi triệu một trăm bốn mươi hai nghìn đồng*) và yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng Điện P xuất hóa đơn GTGT phần vật tư của công trình Ủy ban nhân dân xã T là 57.232.000 đồng.

Bị đơn không có yêu cầu phản tố và vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến trình bày phía bị đơn chỉ thừa nhận tổng số nợ còn lại của Công ty trách nhiệm hữu hạn M với Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng Điện P là 60.142.000 đồng (*Sáu mươi triệu một trăm bốn mươi hai nghìn đồng*) và yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng Điện P xuất hóa đơn GTGT phần vật tư của công trình Ủy ban nhân dân xã T là 57.232.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng Điện P đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn M, buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*) cho nguyên đơn. Tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất phát sinh từ tháng 02/2016 theo lãi suất quá hạn do ngân hàng nhà nước quy định là 9.900.000 đồng và lãi suất phát sinh tiếp theo nên đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi của Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng Điện P. Đồng thời, lưu ý đối với việc Tòa án để thời gian đưa vụ án ra xét xử là chưa thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn Công ty TNHH M mặc dù được tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng Công ty TNHH M vẫn không tham dự phiên tòa nên vụ án được tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, ông D là người đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng Điện P rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ vật tư, nhân công 23.142.048 đồng, tiền lãi suất phát sinh từ tháng 02/2016 theo lãi suất quá hạn do ngân hàng nhà nước quy định là 9.900.000 đồng và không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng Điện P đối với số tiền nợ vật tư, nhân công 23.142.048 đồng và yêu cầu tính lãi.

[2] *Về thẩm quyền:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Điện P yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn M phải có trách nhiệm trả số tiền còn nợ tiền vật tư, nhân công là 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*). Đây là tranh chấp phát sinh trong kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, trụ sở của Công ty Trách nhiệm hữu hạn M tại phường K, thành phố X, tỉnh G nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:* Năm 2015, Công ty Trách nhiệm hữu hạn M thuê công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Điện P thi công hạng mục điện, nước Ủy ban nhân dân xã T, huyện S. Đến ngày 26/02/2016 và 29/02/2016, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Điện P và công ty Trách nhiệm hữu hạn M đã thỏa thuận ký hợp đồng số 2602/2016/HĐTC/CTY TNHH M-CTY ĐIỆN P và hợp đồng số 2902/2016/HĐTC/CTY TNHH M-CTY ĐIỆN P về lắp đặt điện và cung ứng vật tư điện Bệnh viện đa khoa P. Quá trình thực hiện hợp đồng, công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Điện P và công ty Trách nhiệm hữu hạn M có quyết toán công nợ với nhau. Theo đó, công ty Trách nhiệm hữu hạn M còn nợ công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng Điện P số tiền vật tư là 48.142.000 đồng. Tiền nhân công là 55.000.000 đồng. Tổng cộng 103.142.000 đồng, công ty Trách nhiệm hữu hạn M không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên ngày 21/4/2017, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Điện P khởi kiện đến tòa án yêu cầu công ty Trách nhiệm hữu hạn M có nghĩa vụ trả cho công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Điện P số tiền 103.142.000 đồng và lãi suất phát sinh từ tháng 02/2016 theo lãi suất quá hạn do ngân hàng nhà nước quy định là 9.900.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, đại diện theo pháp luật của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Điện

P tại phiên tòa xác định rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền nợ vật tư, nhân công 23.142.048 đồng, tiền lãi suất phát sinh từ tháng 02/2016 theo lãi suất quá hạn do ngân hàng nhà nước quy định là 9.900.000 đồng và không yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu trả tiền nợ vật tư, nhân công còn lại số tiền là 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*).

Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp thể hiện, đối với khoản tiền còn nợ và phía bị đơn cũng thừa nhận việc ký kết hợp đồng nên các bên có thỏa thuận việc thực hiện thi công các công trình là có thật việc thỏa thuận không trái với quy định của pháp luật nên được công nhận. Các bên không thống nhất đối với số tiền công cũng như tiền còn nợ lại từ việc thực hiện hợp đồng thi công công trình, ông D đại diện theo pháp luật của nguyên đơn xác định theo hợp đồng số 2602, ngày 26/02/2016 nội dung thi công lắp đặt thiết bị điện Bệnh viện Đa khoa P, đơn giá trong hợp đồng là đơn giá lắp đặt hoàn chỉnh theo chi tiết thiết bị Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây Dựng Điện P phải được tính công ít nhất là 50% giá trị hợp đồng tức là 35.000.000 đồng nhưng Công ty Trách nhiệm hữu hạn M chỉ ứng cho công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây Dựng Điện P số tiền 7.500.000 đồng, còn phía bị đơn có văn bản trình bày ý kiến cho rằng theo hợp đồng số 2602, ngày 26/02/2016 nội dung thi công lắp đặt thiết bị điện Bệnh viện Đa khoa P, đơn giá trong hợp đồng là đơn giá lắp đặt hoàn chỉnh theo chi tiết thiết bị nhưng công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Điện P chỉ thi công phần đóng nẹp và đi dây một số tầng trệt và lầu 1 rồi tự ý bỏ ngang làm ảnh hưởng đến tiến độ nên Công tyTrách nhiệm hữu hạn M không có trách nhiệm thanh toán theo hợp đồng và yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Điện P hoàn trả tiền tạm ứng hợp đồng.

Đối với hợp đồng số 2602, ngày 26/02/2016 nội dung cung cấp vật tư điện Bệnh viện Đa khoa P với tổng giá trị là 63.488.000 đồng (*Sáu mươi ba triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng*), công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây Dựng Điện P đã hoàn chỉnh hầu hết các hạng mục theo thỏa thuận trong hợp đồng trừ giá trị một hạng mục còn thiếu với giá trị là 78.000 đồng (*Bảy mươi tám nghìn đồng*), thực tế cung cấp là 63.410.000 đồng (*Sáu mươi ba triệu bốn trăm mười nghìn đồng*). Ngoài ra, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây Dựng Điện P và Công ty Trách nhiệm hữu hạn M có thỏa thuận cung cấp vật tư và thi công lắp đặt công trình Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh G nhưng không làm hợp đồng với tổng giá trị vật tư và nhân công là 77.232.080 đồng (*Bảy mươi bảy triệu hai trăm ba mươi hai nghìn không trăm tám mươi đồng*). Từ tháng 4/2016 đến nay Công ty Trách nhiệm hữu hạn M chỉ thanh toán được một phần, còn nợ lại số tiền 12.232.080 đồng (*Mười hai triệu hai trăm ba mươi hai nghìn không trăm tám mươi đồng*) chưa thanh toán. Bị đơn Công ty M thống nhất còn nợ công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Điện P 48.142.000đ, tiền nhân công lắp đặt thiết bị điện công trình UBND xã T 12.000.000đ. Tổng cộng 60.142.000 đồng. Không đồng ý thanh toán 8.000.000 đồng tiền nhân công lắp đặt ống và nhà vệ sinh vì công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Điện P thi công sai kỹ thuật dẫn đến tràn bồn nước, gây hư hại hệ thống laphông và sơn tường nên Công ty M phải tốn tiền khắc phục. Yêu cầu công ty Điện P xuất hóa đơn GTGT của công trình Ủy ban nhân dân xã T là 57.232.000 đồng

Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Điện P và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng M thống nhất số tiền còn nợ vật

tư là 48.142.000 đồng. Do, Công ty Trách nhiệm hữu hạn M vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nên Hội đồng xét xử căn cứ vào 92 của bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Điện P khởi kiện đối với số tiền này là có căn cứ.

Riêng đối với tiền nhân công và tiền vật tư trang thiết bị thực hiện theo các hạng mục tại hợp đồng do các bên thỏa thuận, Công ty Trách nhiệm hữu hạn M cho rằng Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Điện P thực hiện không đúng hợp đồng, nên chỉ đồng ý thanh toán 12.000.000 đồng trên tổng số tiền 20.000.000 đồng tiền nhân công thực hiện công trình của Ủy ban nhân dân xã T, không đồng ý số tiền nhân công 35.000.000 đồng của công trình Bện viện Đa khoa P. Nhận thấy, Công ty Trách nhiệm hữu hạn M cho rằng Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Điện P thực hiện không đúng hợp đồng nhưng Công ty Trách nhiệm hữu hạn M không có chứng cứ chứng minh. Sau khi quyết toán công nợ, phía Công ty Trách nhiệm hữu hạn M vẫn không đối chiếu tiền nhân công và quá trình tòa án giải quyết vụ án, công ty Trách nhiệm hữu hạn M cũng không cung cấp chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ, Công ty Trách nhiệm hữu hạn M chỉ cung cấp bản tự khai, không tham gia các phiên hòa giải, đối chất. Do đó, việc Công ty Trách nhiệm hữu hạn M không chấp nhận trả số tiền nhân công và các khoản tiền vật tư còn lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Điện P là không có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nhân công và thiết bị vật tư còn lại là 55.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông D đại diện theo pháp luật của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Điện P trình bày ông biết hiện nay Công ty Trách nhiệm hữu hạn M đang gặp khó khăn về tài chính nên ông cũng đồng ý giảm một phần tiền trong số tiền nhân công thêm 23.142.080 đồng cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn M, đối với ý kiến của nguyên đơn đồng ý giảm một phần số tiền cho bị đơn là có lợi cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn M nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Tổng cộng đối với hai khoản tiền theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên Công ty Trách nhiệm hữu hạn M phải có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ vật tư, trang thiết bị và tiền nhân công cho phía nguyên đơn là 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*)

Riêng, đối với yêu cầu của bị đơn với nội dung công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Điện P sẽ xuất hóa đơn GTGT cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn M xuất hóa đơn GTGT của công trình Ủy ban nhân dân xã T là 57.232.000 đồng. Do, Công ty Trách nhiệm hữu hạn M không có yêu cầu phản tố và phần yêu cầu này nằm ngoài yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp, Công ty Trách nhiệm hữu hạn M có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[9] *Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:*

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Điện P không phải chịu án phí sơ thẩm nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí công ty đã nộp là 2.578.552 đồng (*Hai triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm năm mươi hai đồng*) theo biên lai thu số 0015537 ngày 07/6/2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn M phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

*** Căn cứ vào:**

+ Điều 385, Điều 386, Điều 388, Điều 518, Điều 519, Điều 520, Điều 542, Điều 547, Điều 551 và Điều 552 Bộ luật Dân sự;

+ Điều 74, Điều 78, Điều 79, Điều 85, Điều 87, Điều 178, Điều 179, Điều 180, Điều 181, Điều 182, Điều 183, Điều 292, Điều 297 Luật thương mại;

+ Khoản 1 Điều 39, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 143, khoản 1 Điều 146, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 186, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 240, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Điện P đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn M

1.1. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn M có trách nhiệm trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Điện P số tiền 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*).

1.2. Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền.

2/- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Điện P đối với tiền nợ vật tư, nhân công 23.142.048 đồng (*Hai mươi ba triệu một trăm bốn mươi hai nghìn không trăm bốn mươi tám đồng*), tiền lãi suất phát sinh từ tháng 02/2016 theo lãi suất quá hạn do ngân hàng nhà nước quy định là 9.900.000 đồng và không yêu cầu không tính lãi suất.

3/- *Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:*

3.1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Điện P không phải chịu án phí sơ thẩm nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí công ty đã nộp là 2.578.552 đồng (*Hai triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm năm mươi hai đồng*) theo biên lai thu số 0015537 ngày 07/6/2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

3.2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn M phải nộp tiền án phí sơ thẩm với số tiền là 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Điện P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng, Công ty Trách nhiệm hữu hạn M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư ngụ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

(*Đã giải thích Điều 26 Luật Thi hành án dân sự*)

Nơi nhận:
- Các đương sự " Để thi hành";
- VKSND.TPLX;
- TAND.An Giang;
- Lưu: hồ sơ;VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Ngọc Thúy